

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2019/11/01	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△							0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△							0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△							0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△							0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1

N203BG 037

3/25

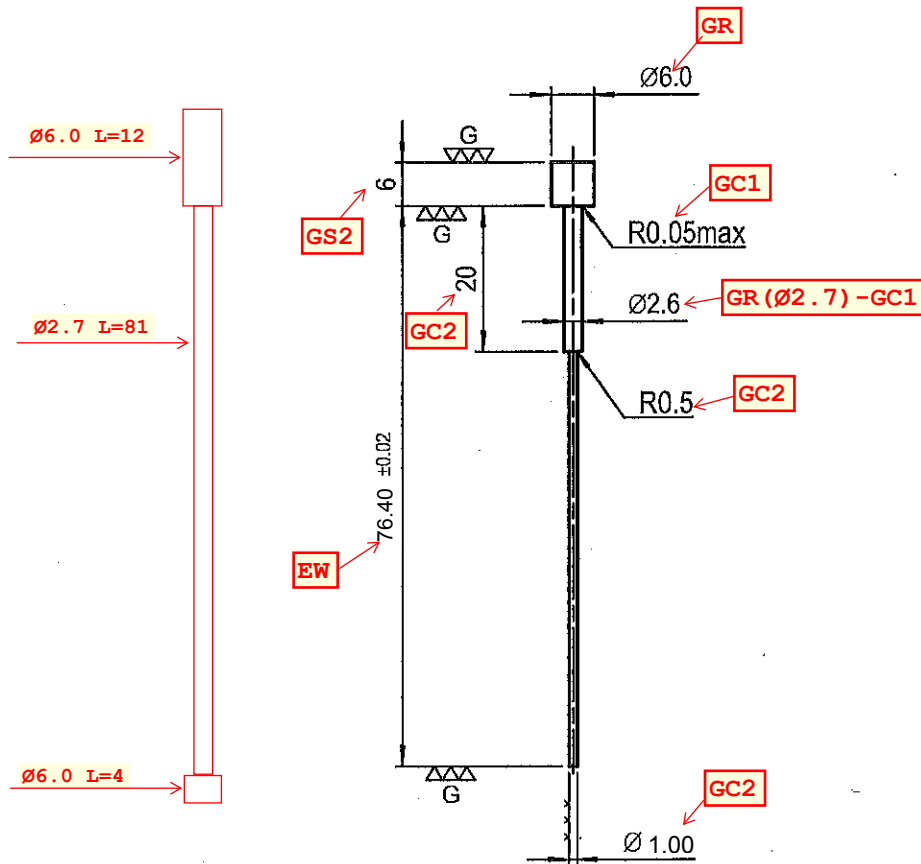
GS1: Ø6.3*97
GS2:
-6.0=>OK
-76.80=>80

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

G
▽ (▽▽)

/C2 A GP GS2 AF



150
1
200
30
700
30
80
10

CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung	SK3	1:1	部品図 PART DRAWING	ピン PIN
DSGND.	SURFACE	1:1	部品図 部品圖	銷、針 銷、針
Lin_Wei_Cheng		1:1	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	2019/11/01	R341167
Lin_Wei_Cheng	HRC 50 ~52	A4V		

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

4140010179.R341187 - GIA CONG - 13/04/2020

414.0010179 pin 8P/3T

SNO: **R341167**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKH51 Ø6.0*99	GS1:10 GR1:150 GC1:60 GS2:10 GC2:90 EW:15 KT